TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2022/HS-ST
Ngày: 14-6-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí

Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 163/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đinh Hoàng B;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 26/12/1985 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 26/103C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.Trình độ học vấn: Lớp 09/12. Họ tên cha: Đinh Duy S - Sinh năm 1965 (còn sống). Họ tên mẹ: Hoàng Thị Kim L – Sinh năm 1967 (còn sống). Bị cáo là con duy nhất trong gia đình và chưa có vợ, con.

Tiền án:

+ Ngày 21/4/2005, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử 08 năm tù về tội "Cướp tài sản". Chấp hành xong bản án ngày 17/01/2009.

+ Ngày 07/12/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Chấp hành xong bản án ngày 22/10/2018.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2021, chuyển tạm giam theo Lệnh số 956 ngày 30/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B

2. Họ và tên: **Trương Nhật T**;Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/12/1997 tại Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Trình độ học vấn: Lớp 10/12 Họ tên cha: Trương Văn G - Sinh năm 1973 (còn sống); Họ tên mẹ:

Phạm Thanh H – Sinh năm 1976 (còn sống). Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ nhất. Họ tên vợ: Ông Thị H–sinh năm 1984. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2021, chuyển tạm giam theo Lệnh số 953 ngày 30/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn K;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam Sinh ngày 20/02/1988 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tài xế; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn U - Sinh năm 1949 (đã chết); Họ tên mẹ: Lưu Thị P – Sinh năm 1957 (đã chết). Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm. Họ tên vợ: Nguyễn Thị Ngọc T–sinh năm 1990. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2021, chuyển tạm giam theo Lệnh số 953 ngày 30/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

4. Họ và tên: **Phạm T;** Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 14/12/1985 tại Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn 5, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: Lớp 08/12; Họ tên cha: Phạm H - Sinh năm 1960 (còn sống); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Hồng V – Sinh năm 1958 (còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị can là con thứ nhất; Họ tên vợ: Võ Thị Thu T –sinh năm 1984 (đã ly hôn). Bị can có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 20/5/2005, bị Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong bản án ngày 29/9/2005.

+ Ngày 25/9/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên y án sơ thẩm, xử phạt 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Chấp hành xong bản án ngày 21/12/2012.

Bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2021, chuyển tạm giam theo Lệnh số 955 ngày 30/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

5. Họ và tên: **Lê Thái H;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 05/12/1982 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: 400/1, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Họ tên cha: Lê Thái H - Sinh năm 1956 (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị G – Sinh năm 1956 (còn sống). Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2021, chuyển tạm giam theo Lệnh số 957 ngày 30/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

6. Họ và tên: **Trà Thanh S;** Tên gọi khác: Nhí; Giới tính: Nam; Sinh ngày 04/4/1990 tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ Me; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không.Trình độ học vấn: Lớp 0/12; Họ tên cha: Trà Văn S - Sinh năm 1960 (còn sống); Họ tên mẹ: Cao Thị Cẩm V – Sinh năm 1950 (còn sống). Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư. Họ tên vợ: Nguyễn Thị Thùy D –sinh năm 1993. Bị cáo có 02 người con sinh năm 2011 và năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 20/7/2021, chuyển tạm giam theo Lệnh số 954 ngày 30/7/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Hoàng B, Nguyễn Văn K, Phạm T, Lê Thái H, Trương Nhật T và Trà Thanh S (Nhí) là những người sử dụng trái phép chất ma túy.

Vào khoảng 14 giờ ngày 20/7/2021, K điều khiển xe mô tô biển số 68G1-703.63 chở H đến phòng trọ số 2 địa chỉ 54, tổ 9B, khu phố 12, phường A, thành phố B do S thuê trọ chơi. Khi đến nơi, K, H gặp T đang ở chơi tại phòng trọ của S. Tại đây, T, S, K và H bàn bạc hùn tiền mua ma túy về sử dụng. T góp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), K góp 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), H góp 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), S góp 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) được 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng).

Do không biết chỗ mua ma túy nên K dùng điện thoại di động số thuê bao 0908178782 gọi vào số thuê bao 0825520021 cho B nhờ B đi mua ma túy, B đồng ý. B điều khiển xe mô tô biển số 49M6-6261 chạy đến đầu hẻm cơ khí thuộc khu phố 12, phường A thành phố B thì gặp T. Tại đây, T đã đưa cho B 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Sau đó, B bỏ ra thêm 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) rồi điều khiển xe mô tô biển số 49M6-6261 đi đến khu vực gần cầu H thuộc phường B, thành phố B, mua của người thanh niên (không rõ lai lịch) 01 gói ma túy tổng hợp (hàng đá) với giá 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng). Sau đó, B gặp và rủ T góp tiền để mua ma túy sử dụng, T đồng ý và góp 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) rồi B chở T đến phòng trọ số 2 ở địa chỉ nêu trên gặp S, T, K và H. Tại đây, B lấy 01 phần ma túy ra và cùng S, T, K, H và T sử dụng, phần còn lại B đặt dưới nền trong phòng ngay vị trí cả nhóm đang ngồi.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi S, T, K, H, B và T đang ở phòng trọ số 2 thì bị Công an phường A kiểm tra, phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Quá trình điều tra, Đinh Hoàng B, Nguyễn Văn K, Phạm T, Lê Thái H, Trương Nhật T và Trà Thanh S đều khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

+ Vật chứng vụ án:

- 01 (một) gói nilon hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng (Đinh Hoàng B, Nguyễn Văn K, Phạm T, Lê Thái H, Trương Nhật T và Trà Thanh S khai là ma túy tổng hợp - hàng đá) đã được niêm phong có chữ ký của B, K, T, H, T, S và dấu mộc của Công an phường A, thành phố B.

- 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đá.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A1K màu đen, số thuê bao 0908178782, số Imel 1: 863539043782351, Imel 2: 863539043782344 của Nguyễn Văn K dùng để liên lạc với Đinh Hoàng B mua ma túy về sử dụng.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 màu vàng gold, số Imel 1: 356504070746046, số Imel 2: 356505070746043 của Trương Nhật T không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu MI màu bạc (không rõ loại) số thuê bao 0336436420 của Lê Thái H không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu ViVo 1718 màu đen, số thuê bao 0825520021, số Imel 1: 866950036242518, Imel 2: 866950036242500 của Đinh Hoàng B dùng để liên lạc mua ma túy.

- 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) là tiền của Phạm T hùn với Đinh Hoàng B mua ma túy sử dụng.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 68G1-703.63: Qua xác minh tại Đội Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai: Xe mô tô 68G1-703.63 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị L (chị của Nguyễn Văn K)- sinh năm 1983, ngụ tại ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Chị L cho K mượn để làm phương tiện đi lại, không biết K sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại xe 68G1-703.63 cho chị L.

- 01 xe mô tô biển số 49M6-6261: Đinh Hoàng B khai mượn của bạn (không rõ nhân thân, lai lịch). Qua xác minh tại Đội Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai không tìm thấy dữ liệu tra cứu chiếc xe 49M6-6261. Do chưa xác minh được nguồn gốc xe 49M6-6261 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại Bản kết luận giám định số 1537/KLGĐ - PC09 ngày 26/07/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai đã kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 1,7436 gam, loại: Methamphetamine.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại kết luận giám định nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo và không có ý kiến về kết luận giám định.

Theo bản cáo trạng số 184/CT-VKSBH-HS ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố:

- Bị cáo Đinh Hoàng B đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trà Thanh S, Nguyễn Văn K, Phạm T, Lê Thái H, Trương Nhật T đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt:

Bị cáo Đinh Hoàng B từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù giam

Bị cáo Phạm T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam

Bị cáo Trà Thanh S, Nguyễn Văn K, Lê Thái H từ 20 tháng đến 26 tháng tù giam

Bị cáo Trương Nhật T từ 18 tháng đến 24 tháng tù giam

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố B tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định và 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đá.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A1K màu đen, số thuê bao 0908178782, số Imel 1: 863539043782351, Imel 2: 863539043782344 của Nguyễn Văn K; 01 điện thoại di động hiệu ViVo 1718 màu đen, số thuê bao 0825520021, số Imel 1: 866950036242518, Imel 2: 866950036242500 của Đinh Hoàng B và số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) do liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 màu vàng gold, số Imel 1: 356504070746046, số Imel 2: 356505070746043 của Trương Nhật T; 01 điện thoại di động hiệu MI màu bạc (không rõ loại) số thuê bao 0336436420 của Lê Thái H do không liên quan đến vụ án.

Đối với đối tượng (chưa rõ lai lịch) có hành vi bán ma túy cho Đinh Hoàng Bảo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã biết hành vi của mình là sai và rất ân hận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác định: Vào khoảng khoảng 15 giờ 30 phút ngày 20/7/2021, tại phòng trọ số 2 địa chỉ 54, tổ 9B, khu phố 12, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do Trà Thanh S thuê trọ, S cùng với Đinh Hoàng B, Nguyễn Văn K, Phạm T, Lê Thái H, Trương Nhật T có hành vi tàng trữ trái phép 1,7436 gam ma túy loại Methamphetamine thì bị Công an phường A kiểm tra, phát hiện bắt quả tang.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời khai người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Đinh Hoàng B về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Trà Thanh S, Nguyễn Văn K, Phạm T, Lê Thái H, Trương Nhật T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 184/CT-VKSBH ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát

nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và là một trong những nguyên nhân làm hủy hoại sức khỏe của con người, làm phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác. Bản thân các bị cáo biết rõ việc tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình vi phạm. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung.

[2] Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo S, K, H, T chưa có tiền án, tiền sự. Gia đình bị cáo T có công với cách mạng (bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn, không có bàn bạc, phân công từ trước: Bị cáo B là người trực tiếp liên hệ và mua ma túy về để cả nhóm cùng sử dụng, hơn nữa bị cáo đã có 02 (hai) tiền án, chưa được xóa án tích, không lấy đó làm bài học, tu dưỡng, rèn luyện bản thân, mà tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật; vì vậy, bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất. Các bị cáo T, S, K, H và T tuy không phải là người trực tiếp mua ma túy, nhưng các bị cáo đều hùn tiền để mua ma túy và cùng sử dụng, các bị cáo đã cùng nhau sử dụng một phần, phần còn lại chưa sử dụng hết thì bị phát hiện thu giữ, như vậy các bị cáo phải cùng chịu trách nhiệm vai trò tương đương nhau. Đối với bị cáo Phạm T có nhân thân xấu từng bị kết án, không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân nay lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, bị cáo phải chịu mức cao hơn so với bị cáo S, K, H, T. Gia đình bị cáo T có công với cách mạng (bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng) nên có mức án thấp hơn so với các bị cáo khác.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa của các bị cáo cho thấy, các bị cáo không có thu nhập ổn định và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định và 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đá.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A1K màu đen, số thuê bao 0908178782, số Imel 1: 863539043782351, Imel 2: 863539043782344 của Nguyễn Văn K; 01 điện thoại di động hiệu ViVo 1718 màu đen, số thuê bao 0825520021, số Imel 1: 866950036242518, Imel 2: 866950036242500 của Đinh Hoàng B và số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) do liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 màu vàng gold, số Imel 1: 356504070746046, số Imel 2: 356505070746043 của Trương Nhật T; 01 điện thoại di động hiệu MI màu bạc (không rõ loại) số thuê bao 0336436420 của Lê Thái H do không liên quan đến vụ án.

- 01 xe mô tô biển số 49M6-6261: bị cáo Đinh Hoàng B khai mượn của bạn (không rõ nhân thân, lai lịch). Qua xác minh tại Đội Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai không tìm thấy dữ liệu tra cứu chiếc xe 49M6-6261. Do chưa xác minh được nguồn gốc xe 49M6-6261 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tách ra, tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với đối tượng (chưa rõ lai lịch) có hành vi bán ma túy cho Đinh Hoàng B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Đinh Hoàng B** phạm tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**;

Xử phạt bị cáo Đinh Hoàng B mức án: **05 (năm) năm tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Phạm T** phạm tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**;

Xử phạt bị cáo Phạm T mức án: **02 (hai) năm tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2021.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo **Trà Thanh S, Nguyễn Văn K, Lê Thái H** và **Trương Nhật T** phạm tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**;

Xử phạt bị cáo **Trà Thanh S** mức án: **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2021.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** mức án: **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2021.

Xử phạt bị cáo **Lê Thái H** mức án: **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2021.

Xử phạt bị cáo **Trương Nhật T** mức án: **01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù giam**. Thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2021.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy số lượng ma túy còn lại sau giám định và 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy đá.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A1K màu đen, số thuê bao 0908178782, số Imel 1: 863539043782351, Imel 2: 863539043782344 của bị cáo Nguyễn Văn K; 01 điện thoại di động hiệu ViVo 1718 màu đen, số thuê bao 0825520021, số Imel 1: 866950036242518, Imel 2: 866950036242500 của bị cáo Đinh Hoàng B và số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) do liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J3 màu vàng gold, số Imel 1: 356504070746046, số Imel 2: 356505070746043 cho bị cáo Trương Nhật T; 01 điện thoại di động hiệu MI màu bạc (không rõ loại) số thuê bao 0336436420 cho bị cáo Lê Thái H do không liên quan đến vụ án.

(Các vật chứng nêu trên được thu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/05/2022 và Biên lai thu tiền số 0002395 ngày 10/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự TP. B.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP. B (2);
- Công an TP. B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo (5);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trần Nhàn